ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3522 /QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 28 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 3486/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 941/TTr-SNV ngày 18/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; báo cáo kết quả và tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo khắc phục tồn tại hạn chế theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh;
- Tổ giúp việc BCĐ CCHC tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Các Phòng, TT: TH, KGVX, NC, TTCB;
- Lưu: VT, KSTTHC (Đ 60)

CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3522/QĐ-UBND, ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

a) Thông qua kiểm tra để đánh giá đúng thực trạng tình hình công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh;

b) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và thực hiện công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị;

c) Kịp thời phát hiện các điển hình, sáng kiến và cách làm hay trong thực hiện nhiệm vụ CCHC để tuyên truyền, nhân rộng áp dụng; chỉ ra những hạn chế, tồn tại, khó khăn, vướng mắc; xác định nguyên nhân, trách nhiệm để đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ, khắc phục những hạn chế;

d) Góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, đơn vị; quán triệt quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC).

2. Yêu cầu:

a) Hoạt động kiểm tra phải đúng nội dung theo kế hoạch, đảm bảo chính xác, khách quan và theo đúng quy định của pháp luật; không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị được kiểm tra;

b) Các cơ quan, đơn vị được kiểm tra chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và cử CBCCVC có trách nhiệm làm việc với Đoàn kiểm tra nhằm đạt mục đích đề ra;

c) Qua kiểm tra nêu ra được những ưu điểm, tồn tại và hạn chế cần khắc phục, có kết luận cụ thể và rõ ràng về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan; đồng thời đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền chỉ đạo, xử lý kết quả qua kiểm tra những vấn đề có liên quan theo quy định.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Kiểm tra theo kế hoạch:

Kiểm tra việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ về CCHC một số nội dung trọng tâm sau:

a) Công tác chỉ đạo, điều hành:

- Việc thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo của cơ quan, đơn vị; ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành; tổ chức các hội nghị giao ban, quán triệt chương trình, kế hoạch của Chính phủ, của tỉnh, của cơ quan, đơn vị;

- Việc xây dựng và ban hành kế hoạch hàng năm của cơ quan, đơn vị; kết quả triển khai thực hiện kế hoạch, mức độ đạt được trong thực hiện các nội dung của kế hoạch;

- Việc ban hành kế hoạch kiểm tra hàng năm; kết quả thực hiện, số đơn vị được kiểm tra, việc xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra;

- Việc xây dựng và ban hành kế hoạch tuyên truyền hàng năm; kết quả thực hiện kế hoạch tuyên truyền, mức độ hoàn thành kế hoạch;

- Việc chấp hành công tác thông tin, báo cáo; công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC tại cơ quan, đơn vị và những sáng kiến trong triển khai thực hiện; tình hình thực hiện đánh giá Bộ chỉ số của UBND huyện, thị xã, thành phố đối với UBND xã, phường, thị trấn.

b) Cải cách thể chế:

- Việc tham mưu ban hành các văn bản quy định chi tiết các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của cơ quan nhà nước cấp trên;

- Việc rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL;

- Việc triển khai Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 tại cơ quan, đơn vị;

- Việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

- Việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

c) Cải cách thủ tục hành chính (TTHC):

- Việc ban hành, tổ chức thực hiện và mức độ hoàn thành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC tại cơ quan, đơn vị; đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC;

- Việc niêm yết, công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị bằng nhiều hình thức phù hợp; công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo quy định;

- Việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính để hỗ trợ việc nâng cao chất lượng các quy định hành chính và giám sát việc thực hiện TTHC của các cơ quan hành chính các cấp;

d) Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, một cửa liên thông hiện đại:

Tình hình triển khai và kết quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, một cửa liên thông hiện đại tại các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã. Trong đó tập trung kiểm tra các nội dung chính: Hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả (ban hành quy chế hoạt động); bố trí công chức, cơ sở vật chất, trang thiết bị, nơi đón tiếp tổ chức, công dân; mở sổ sách theo dõi việc tiếp nhận và giải quyết TTHC; số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa tại cơ quan, đơn vị và phản ánh tình trạng trễ hẹn, lý do trễ hẹn; việc thực hiện mô hình một cửa điện tử; sự phối hợp giữa các cơ quan, giữa các phòng, ban, bộ phận liên quan giải quyết hồ sơ TTHC; thái độ phục vụ của CBCCVC.

đ) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

- Thực hiện quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan, đơn vị *(kể cả đơn vị sự nghiệp công lập)*;

- Việc ban hành, tổ chức thực hiện và mức độ hoàn thành Kế hoạch kiểm tra tình hình tổ chức hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan và các đơn vị thuộc, trực thuộc;

- Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý tại cơ quan, đơn vị (theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ); thực hiện quy chế phối hợp để giải quyết công việc, giải quyết TTHC, quản lý nhà nước về các lĩnh vực liên quan đến nhiều ngành.

e) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC:

- Tình hình xây dựng, điều chỉnh đề án xác định cơ cấu công chức theo vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của cơ quan, đơn vị;

- Triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo kế hoạch của cơ quan, đơn vị có đảm bảo theo Đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2015-2021 theo quy định;

- Thực hiện các quy định về quản lý CBCCVC; công tác đánh giá phân loại hàng năm; các quy định về tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách khác tại cơ quan, đơn vị;

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng và kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được phê duyệt;

- Việc thực hiện các quy định về nghĩa vụ, những việc không được làm, quy tắc ứng xử, văn hoá công sở, đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của CBCCVC trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC;

- Tình hình thực hiện Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 12/4/2017 về việc nâng cao kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ và đạo đức nghề nghiệp của CBCCVC trong các cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Về công chức cấp xã: Thực tế số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; số lượng, tỷ lệ % cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định; số lượng, tỷ lệ % cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn trong năm; việc thực hiện chỉ tiêu đạt chuẩn cán bộ, công

chức cấp xã hàng năm theo quy định.

g) Cải cách tài chính công:

- Kết quả thực hiện tự chủ tại các đơn vị hành chính, sự nghiệp trực thuộc: Mức độ tự chủ; việc nâng cao chất lượng, mở rộng hoạt động để tăng nguồn sự nghiệp; việc tăng thu nhập từ nguồn thu sự nghiệp...

- Kết quả thực hiện tự chủ tại cơ quan, đơn vị: Việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ quan, đơn vị; việc tiết kiệm kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan, đơn vị…

h) Hiện đại hóa hành chính:

- Về ứng dụng công nghệ thông tin:

+ Kết quả thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, mức độ đạt được; tình hình áp dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành, sử dụng hệ thống thư điện tử của tỉnh (mail.daklak.gov.vn) trong trao đổi công việc;

+ Kết quả triển khai Hệ thống Dịch vụ hành chính công trực tuyến tích hợp Một cửa điển tử liên thông của tỉnh theo hình thức thuê dịch vụ tại cơ quan, đơn vị;

+ Tình trạng hoạt động của Cổng/Trang thông tin điện tử, mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến và tình hình cập nhật, sử dụng phần mềm quản lý cán bộ, công chức tại cơ quan, đơn vị;

- Về áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO:

Tình hình áp dụng, duy trì, mở rộng và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 và hoàn thiện hồ sơ tự công bố chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia theo quy định.

2. Kiểm tra đột xuất:

Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND tỉnh sẽ chỉ đạo kiểm tra đột xuất một số các cơ quan, đơn vị và tập trung vào những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Việc thực hiện Quy chế văn hóa công sở; chấp hành giờ giấc làm việc, nội quy và quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị; quy tắc ứng xử của CBCCVC; quy định về nghĩa vụ, những việc CBCCVC được làm và không được làm;

b) Việc tiếp nhận, giải quyết TTHC của cá nhân, tổ chức theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, một cửa hiện đại và thực hiện việc xin lỗi bằng văn bản đối với hồ sơ TTHC quá hạn giải quyết.

III. ĐỐI TƯỢNG, HÌNH THỨC, THỜI ĐIỂM VÀ THỜI GIAN KIỂM TRA

1. Đối tượng kiểm tra:

a) Đối với các sở, ban, ngành: Tiến hành kiểm tra từ 30% trở lên đối với các cơ quan, đơn vị do UBND tỉnh quản lý.

b) Đối với UBND huyện, thị xã, thành phố: Tiến hành kiểm tra từ 30% trở lên đối với UBND cấp huyện và tiến hành kiểm tra thực tế từ 15-20% UBND

cấp xã đối với mỗi đơn vị được kiểm tra tra (do Trưởng đoàn kiểm tra hoặc các cơ quan, đơn vị được kiểm tra chọn).

(Có Danh sách các cơ quan, đơn vị được kiểm tra kèm theo)

2. Hình thức kiểm tra:

Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra và tiến hành kiểm tra trực tiếp theo kế hoạch về kết quả thực hiện CCHC tại các đơn vị được kiểm tra, đồng thời kiểm tra thực tế một số cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc (đối với các sở, ban, ngành) và xã, phường, thị trấn (đối với các huyện, thị xã, thành phố) đối với mỗi đơn vị được kiểm tra và kiểm tra đột xuất (nếu có).

3. Thời điểm kiểm tra:

a) Đối với kiểm tra theo kế hoạch:

Kiểm tra việc thực hiện các nội dung theo Kế hoạch (Khoản 1 Mục II Kế hoạch này) tại các cơ quan, đơn vị được kiểm tra trong thời gian từ ngày **01/01/2018** đến ngày **30/6/2019** (1,5 năm).

b) Đối với kiểm tra đột xuất:

Việc kiểm tra đột xuất được thực hiện trong năm (2019) và do Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị và nội dung kiểm tra theo Kế hoạch (Khoản 2 Mục II Kế hoạch này), thời điểm kiểm tra và thời gian kiểm tra. Tuy nhiên, tùy theo tình hình thực tế, Đoàn kiểm tra có thể báo trước hoặc không báo trước cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị được kiểm tra biết.

4. Thời gian kiểm tra:

a) Đối với kiểm tra theo kế hoạch:

Việc tiến hành kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị được thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 08/2019 đến hết tháng 09/2019.

b) Đối với kiểm tra đột xuất: Do Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định hoặc có thể tiến hành thực hiện trong khoảng thời gian kiểm tra theo kế hoạch.

IV. KINH PHÍ KIỂM TRA

Đoàn kiểm tra của tỉnh sử dụng kinh phí CCHC được cấp cho Sở Nội vụ trong năm 2019.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Giám đốc Sở Nội vụ:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo đúng nội dung trong kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2019 trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định thành lập Đoàn kiểm tra CCHC của tỉnh;

c) Xây dựng Đề cương hướng dẫn báo cáo kết quả thực hiện (tự kiểm tra) trong thời gian kiểm tra (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2019) và thông báo

lịch kiểm tra gửi cho các cơ quan, đơn vị được kiểm tra biết; tổ chức triển khai thực hiện việc kiểm tra, đồng thời báo cáo kết quả và kết luận nội dung kiểm tra, xử lý các vấn đề sau kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

d) Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc kiểm tra đột xuất tại các cơ quan, đơn vị và tổ chức việc kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra:

Phổ biến, quán triệt nội dung Kế hoạch này đến tất cả CBCCVC và các đơn vị thuộc, trực thuộc để biết và thực hiện. Chuẩn bị báo cáo kết quả thực hiện theo đề cương hướng dẫn, hồ sơ, tài liệu kiểm chứng, bố trí CBCCVC có trách nhiệm liên quan để làm việc với Đoàn kiểm tra khi có yêu cầu và tạo mọi kiều kiện thuận lợi để Đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ theo đúng kế hoạch.

3. Tổng biên tập Báo Đắk Lắk, Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm cử phóng viên tham gia cùng Đoàn kiểm tra, phản ánh kịp thời kết quả kiểm tra thực hiện CCHC của các cơ quan, đơn vị theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố phản ánh trực tiếp về sở Nội vụ để được hướng dẫn thực hiện./.

CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

DANH SÁCH
CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 28 / 12 /2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk

I. ĐỐI VỚI SỞ, BAN, NGÀNH

01. Sở Tài chính;
02. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
03. Sở Công thương;
04. Sở Khoa học và Công nghệ;
05. Sở Nội vụ;
06. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;
07. Công an tỉnh.

II. ĐỐI VỚI UBND CẤP HUYỆN

01. UBND huyện Cư M'gar;
02. UBND huyện Cư Kuin;
03. UBND huyện Krông Búk;
04. UBND huyện Krông Bông;
05. UBND huyện Ea Kar.

Tổng cộng: 12 cơ quan, đơn vị và địa phương./.